

Bản án số: 884/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20-7-2022

Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Xuân Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Hữu Tường

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hoa

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Kim Bình - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 811/2021/TLST – HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 416/2022/QĐXX-ST ngày 10/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 496/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm: 1976 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: 4/96 đường L, tổ 9, khu phố 1, phường L, Quận 12, Tp. HCM

*Bị đơn:* Ông Lê Quý T, sinh năm: 1970 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: 4/96 đường L, tổ 9, khu phố 1, phường L, Quận 12, Tp. HCM.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai tại Tòa nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà và ông Lê Quý T có tự nguyện tìm hiểu và tiến đến xây dựng gia đình vào năm 2007, hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Q. Sau khi xây dựng gia đình, cuộc sống chung giữa bà và ông T không có hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng không hợp nhau, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung nên xảy ra nhiều bất đồng, thường hay gây gổ cãi vã nhau, ông T còn có hành vi bạo lực gia đình dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc. Do

mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Quý T.

Về con chung: Bà và ông T chung sống có 02 con chung tên Lê Quý Đ, sinh ngày 08/5/2007 và Lê Quỳnh H, sinh ngày 21/6/2011. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ mỗi tháng số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn ông Lê Quý T tại bản tự khai trình bày:

Về thời gian tìm hiểu tiền đến xây dựng gia đình bà H trình bày là đúng, ông thống nhất. Về mâu thuẫn vợ chồng ông thừa nhận có nhiều mâu thuẫn xảy ra dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc, nay tình cảm vợ chồng không còn bà H xin ly hôn thì ông đồng ý giải quyết ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 02 trẻ như bà H đã nêu, ông đồng ý giao 02 con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ mỗi tháng số tiền 4.000.000 đồng đến khi 02 con trưởng thành.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị H và bị đơn ông Lê Quý T có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo trình tự thủ tục pháp luật quy định.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn, về con chung của bà Lê Thị H, ông Lê Quý T là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị H, bị đơn ông Lê Quý T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Lời trình bày của bà Lê Thị H, ông Lê Quý T phù hợp với chứng cứ thu thập được trong hồ sơ thể hiện đây là mối quan hệ hôn nhân hợp pháp vì đôi bên có đăng ký kết hôn theo luật định.

Xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa bà H và ông T chủ yếu do vợ chồng không hợp nhau, giữa bà H và ông T có nhiều mâu thuẫn bất đồng nhưng cả bà H và ông T đều không thể tự giải quyết dẫn đến cuộc sống chung giữa vợ chồng mất hạnh

phúc. Qua các lần Tòa án triệu tập hai bên đến để hòa giải và đến ngày xét xử ông T vẫn vắng mặt, cho thấy ông T không còn thiện chí muốn được hòa giải đoàn tụ sống chung cùng bà H và mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, tại bản tự khai ông T cũng đồng ý giải quyết ly hôn nên xét yêu cầu của bà H xin ly hôn ông T là có cơ sở nên chấp nhận.

Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung tên là Lê Quý Đ, sinh ngày 08/5/2007 và Lê Quỳnh H, sinh ngày 21/6/2011. Xét hai con chung có nguyện vọng được ở với mẹ nên Hội đồng xét thấy cần giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận việc ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ mỗi tháng số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng đến khi 02 con trưởng thành.

Về tài sản chung: Do bà H và ông T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ kiện này.

Về nợ chung: Không có.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015,

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị H:

\* Về quan hệ vợ chồng: Bà Lê Thị H ly hôn ông Lê Quý T.

\* Về con chung: Giao 02 con chung tên Lê Quý Đ, sinh ngày 08/5/2007 và Lê Quỳnh H, sinh ngày 21/6/2011 cho bà Lê Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông Lê Quý T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ mỗi tháng số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng đến khi 02 con lần lượt tròn 18 tuổi, thi hành khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Vì lợi ích con chung, sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

\* Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

\* Về nợ chung: không có.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Thị H chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, tính cần trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0022434 ngày 28.12.2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Quý T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 12;
- Chi Cục THADS Quận 12;
- UBND xã X, huyện L, tỉnh Q;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Xuân Mai**